

UỶ BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIA LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-TTr

Gia Lâm, ngày tháng năm 2024

V/v triển khai thực hiện công tác kê khai và kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị năm 2024

Kính gửi:

- Các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS thuộc huyện;

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND Thành phố về việc kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội; văn bản số 4054/UBND-TTTP ngày 03/12/2024 của UBND Thành phố về việc triển khai công tác kê khai và kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị năm 2024, UBND Huyện yêu cầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện triển khai thực hiện công tác kê khai và kiểm soát tài sản, thu nhập (sau đây tài sản, thu nhập viết tắt là TSTN) của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị năm 2024 như sau:

## I. VIỆC KÊ KHAI, CÔNG KHAI VỀ TÀI SẢN, THU NHẬP

### 1. Tài sản, thu nhập phải kê khai

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, TSTN phải kê khai bao gồm:

- Quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất, nhà ở, công trình xây dựng;
- Kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và động sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên;
- Tài sản, tài khoản ở nước ngoài;
- Tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai.

### 2. Đối tượng kê khai

- **Kê khai lần đầu:** Người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Việc kê khai phải hoàn thành chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bổ trí vào vị trí công tác.

- **Kê khai bổ sung:** Người có nghĩa vụ kê khai theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 có biến động về tài sản, thu nhập có giá trị từ 300.000.000 triệu đồng (Ba trăm triệu đồng) trở lên (trừ những người thuộc diện kê khai hàng năm).

- **Kê khai hàng năm:** Công chức giữ ngạch chức danh theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ; những người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở lên công tác trong một số lĩnh vực được xác định trong danh mục Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

Lưu ý: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị rà soát, xác định người có nghĩa vụ kê khai TSTN hàng năm tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện theo quy định tại điểm c, điểm d Khoản 3 Điều 1 bản quy định ban hành kèm theo Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND ngày 25/7/2024 của UBND Thành phố về việc thực hiện công tác cán bộ đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của UBND Thành phố “ **3. Các chức danh thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, gồm:** c) Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; d) Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện”.

### **3. Nguyên tắc kê khai, công khai**

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai tổ chức việc kê khai TSTN năm 2024 theo quy định khoản 1 Điều 37 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Điều 5 Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND Thành phố, trong đó yêu cầu và hướng dẫn người có nghĩa vụ kê khai thực hiện kê khai TSTN trung thực, đầy đủ, rõ ràng theo quy định.

- Người có nghĩa vụ kê khai nộp 02 bản kê khai cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

- Mẫu bản kê khai TSTN theo Phụ lục số I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

### **4. Thời gian thực hiện**

- Việc khai tài sản, thu nhập phải hoàn thành trước ngày **31/12/2024**.

- Việc công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập thực hiện xong trước ngày **20/01/2025**.

## II. TRÌNH TỰ THỰC HIỆN

1. Phòng Nội vụ huyện lập danh sách các trường hợp phải kê khai tài sản, thu nhập hàng năm và kê khai bổ sung (năm 2024), danh sách đối tượng lần đầu giữ các vị trí công tác theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 trình UBND Huyện phê duyệt và gửi đến các cơ quan, đơn vị để thực hiện việc kê khai theo quy định. Thời gian thực hiện xong trước ngày **12/12/2024**.

2. Các cơ quan, đơn vị tổ chức họp toàn thể các trường hợp đã thực hiện kê khai lần đầu để phổ biến, quán triệt về đối tượng kê khai bổ sung và kê khai hàng năm. Việc họp phải lập thành biên bản, trong đó phải nêu rõ họ tên các trường hợp thuộc diện kê khai bổ sung tài sản, thu nhập, nếu không có trường hợp thuộc diện kê khai bổ sung thì cũng ghi rõ là không có; biên bản có chữ ký xác nhận của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và đại diện tổ chức công đoàn.

*(Có dự thảo biên bản họp triển khai gửi kèm theo văn bản này để các đơn vị tham khảo).*

3. Thời gian hoàn thành việc kê khai và nộp về phòng Nội vụ: Xong trước ngày **03/01/2025**.

- Hồ sơ nộp về phòng Nội vụ gồm:

+ 02 bản kê khai, trong đó: 01 bản chính và 01 bản photo có đóng dấu treo của đơn vị nộp (*đơn vị nộp thực hiện photo bản kê khai và đóng dấu treo của đơn vị*).

+ Bản chính biên bản họp toàn thể các trường hợp thuộc diện kê khai lần đầu để phổ biến, quán triệt về đối tượng kê khai bổ sung và kê khai hàng năm.

- Đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai giữ 01 bản chính Bản kê khai để phục vụ công tác công khai và lưu trữ hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

### **Lưu ý:**

- 02 Bản kê khai tài sản, thu nhập nộp về phòng Nội vụ phải có chữ ký, họ và tên, chức vụ của người được giao tiếp nhận, kiểm tra bản kê tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức tại đơn vị theo quy định;

- Các cơ quan, đơn vị lập danh mục bản kê khai bàn giao cho phòng Nội vụ, cần ghi rõ: số bản kê khai nộp (số bản chính, số bản photo; số trang của từng bản kê khai).

4. Phòng Nội vụ kiểm tra, tiếp nhận bản kê khai tài sản do các cơ quan, đơn vị nộp.

Phòng Nội vụ lập sổ theo dõi kê khai, giao, nhận bản kê khai, trong đó có các nội dung: số bản kê khai, ngày tiếp nhận bản kê khai, ký giao nhận bản kê khai, tài liệu gửi kèm (nếu có).

5. Việc công khai bản kê khai thực hiện theo Điều 39 Luật Phòng, chống tham nhũng và Điều 11 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ, trong đó bản kê khai được công khai chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày cơ quan, tổ chức, đơn vị, quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai bàn giao bản kê khai cho cơ quan kiểm soát TSTN.

a) Hình thức, địa điểm công khai:

- Bản kê khai của Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND Huyện được niêm yết công khai tại trụ sở HĐND, UBND Huyện hoặc công bố công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, lao động hợp đồng thuộc Văn phòng HĐND và UBND Huyện.

- Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai thuộc các cơ quan, đơn vị được niêm yết tại trụ sở cơ quan, đơn vị hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị.

- Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai thuộc HĐND, UBND cấp xã được niêm yết tại trụ sở HĐND, UBND cấp xã hoặc công khai tại cuộc họp gồm toàn thể cán bộ, công chức cấp xã.

- Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai tại các trường học được niêm yết tại trụ sở làm việc của Trường hoặc công khai tại cuộc họp gồm toàn thể cán bộ, viên chức của Trường.

b) Thời gian công khai:

- Công khai bằng hình thức niêm yết: Thời gian niêm yết bản kê khai là 15 ngày. Vị trí niêm yết phải đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc đọc các bản kê khai. Việc niêm yết phải được lập thành biên bản bắt đầu công khai và kết thúc công khai, trong đó ghi rõ số lượng bản kê khai được niêm yết, có chữ ký xác nhận của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và đại diện tổ chức công đoàn.

- Công khai tại cuộc họp: Cuộc họp công khai bản kê khai phải đảm bảo có mặt tối thiểu 2/3 số người được triệu tập. Người chủ trì cuộc họp tự mình hoặc phân công người đọc các bản kê khai hoặc từng người đọc bản kê khai của mình. Cuộc họp phải được lập biên bản, biên bản ghi lại những ý kiến phản ánh, thắc mắc và giải trình về nội dung bản kê khai (nếu có), có chữ ký của người chủ trì và đại diện tổ chức công đoàn.

c) Thời gian hoàn thành việc công khai:

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ, cụ thể: Bản kê khai được công khai chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai bàn giao bản kê khai cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

*(Có dự thảo biên bản công khai và kết thúc công khai gửi kèm theo văn bản này để các đơn vị tham khảo).*

Thời gian hoàn thành việc công khai xong trước ngày **20/01/2025**.

Đây là nội dung quan trọng, UBND Huyện yêu cầu các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp, UBND các xã, thị trấn, các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở công lập thuộc Huyện nghiêm túc thực hiện nội dung trên, đảm bảo thời gian theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Thanh tra TP (P6; phòng PCTN);
- Đ/c Chủ tịch UBND Huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trương Văn Học**